

Ngày tháng	STT	Số lượng cổ phiếu			Vốn điều lệ (Triệu đồng)			Nội dung	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
		Trước phát hành	Phát hành	Sau phát hành	Trước tăng vốn	Tăng vốn	Sau tăng vốn		
10/03/21	Lần 17	73.996.005	5.540.946	79.536.951	739.960	55.409	795.370	<p>- Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020</p> <p>- Ngày 26/08/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 2) số 2475CV/2020TNG ngày 24/08/2020 của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 38 trái phiếu thành 3.568.745 cổ phiếu.</p> <p>- Ngày 30/9/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 31 cho công ty với vốn điều lệ là 739.960.050.000 đồng.</p> <p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018</p> <p>- Nghị quyết HĐQT số 2287/2020/NQ-HĐQT ngày 6/8/2020;</p> <p>- Ngày 26/07/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 3) số 540 CV/TNG ngày 10/03/2021 và các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 59 trái phiếu thành 5.540.946 cổ phiếu.</p>	Không có



Ngày tháng	STT	Số lượng cổ phiếu				Vốn điều lệ (Triệu đồng)			Nội dung	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
		Trước phát hành	Phát hành	Sau phát hành	Trước tăng vốn	Tăng vốn	Sau tăng vốn			
13/10/21	Lần 18	79.536.951	6.361.828	85.898.779	795.370	63.618	858.988	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 13/08/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 32 cho công ty với vốn điều lệ là 795.36.951.000 đồng.</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 1046/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2021;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 3602/2021/NQ-HĐQT ngày 18/08/2021;</li> <li>- Ngày 13/10/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 3569/CV-TNG ngày 08/10/2021 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 6.361.828 cổ phiếu.</li> <li>- Ngày 27/10/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 33 cho công ty với vốn điều lệ là 858.987.790.000 đồng.</li> </ul>	Không có	
15/11/21	Lần 19	85.898.779	6.800.000	92.698.779	858.988	68.000	926.988	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 781/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018;</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 021121/NQ-HĐQT ngày 02/11/2021;</li> <li>- Ngày 30/11/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đợt</li> </ul>	Không có	

Ngày tháng	STT	Số lượng cổ phiếu				Vốn điều lệ (Triệu đồng)			Nội dung	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
		Trước phát hành	Phát hành	Sau phát hành	Trước tăng vốn	Tăng vốn	Sau tăng vốn			
08/06/22	Lần 20	92.698.779	7.413.372	100.112.151	926.988	74.134	1.001.122	4) số 3966/CV-TNG ngày 23/11/2021 và các tài liệu bổ sung của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG). Theo đó, TNG đã chuyển đổi thành công 68 trái phiếu thành 6.800.000 cổ phiếu. - Ngày 10/12/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 34 cho công ty với vốn điều lệ là 926.987.790.000 đồng - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 1022/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2022; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1069/NQ-HĐQT ngày 27/04/2022; - Ngày 14/06/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 1590/CV-TNG ngày 14/06/2022 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã CK: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 7.413.372 cổ phiếu. - Ngày 28/06/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 35 cho công ty với vốn điều lệ là 1.001.121.510.000 đồng.	Không có	

Ngày tháng	STT	Số lượng cổ phiếu			Vốn điều lệ (Triệu đồng)			Nội dung	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
		Trước phát hành	Phát hành	Sau phát hành	Trước tăng vốn	Tăng vốn	Sau tăng vốn		
13/09/22	Lần 21	100.112.151	5.005.607	105.117.758	1.001.122	50.056	1.051.178	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 1022/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2022;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1855/NQ-HĐQT ngày 11/07/2022;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2020/NQ-HĐQT ngày 01/08/2022;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2323/NQ-HĐQT ngày 05/09/2022;</li> <li>- Ngày 13/09/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 số 2375/CV-TNG ngày 13/9/2022 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 5.005.607 cổ phiếu;</li> <li>- Ngày 22/09/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 36 cho công ty với vốn điều lệ là 1.051.177.580.000 đồng.</li> </ul>	Không có
05/07/23	Lần 22	105.117.758	8.405.244	113.523.002	1.051.178	84.052	1.135.230	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 505/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2023;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 507/NQ-HĐQT ngày 23/04/2023;</li> </ul>	Không có

Ngày tháng	STT	Số lượng cổ phiếu				Vốn điều lệ (Triệu đồng)			Nội dung	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
		Trước phát hành	Phát hành	Sau phát hành	Trước tăng vốn	Tăng vốn	Sau tăng vốn			
26/07/24	Lần 23	113.523.002	9.078.204	122.601.206	1.135.230	90.782	1.226.012	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 523/NQ-HĐQT ngày 03/05/2023;</li> <li>- Ngày 05/07/2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 643/CV-TNG ngày 26/06/2023 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 8.405.244 cổ phiếu;</li> <li>- Ngày 19/07/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 37 cho công ty với vốn điều lệ là 1.135.230.020.000 đồng.</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 190/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2024;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 199/NQ-HĐQT ngày 24/04/2024;</li> <li>- Ngày 26/07/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 434/CV-TNG ngày 19/07/2024 của CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã chứng khoán: TNG). Theo đó, TNG đã phát hành thành công 9.078.204 cổ phiếu;</li> <li>- Ngày 30/07/2024, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên phát hành Giấy chứng nhận đăng</li> </ul>		

Ngày tháng	STT	Số lượng cổ phiếu		Vốn điều lệ (Triệu đồng)			Nội dung	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
		Trước phát hành	Phát hành	Sau phát hành	Trước tăng vốn	Tăng vốn		
							ký doanh nghiệp lần thứ 38 cho công ty với vốn điều lệ là 1.226.012.060.000 đồng.	

Nguồn: TNG

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 19/08/2024

TT	Cổ đông	Số lượng (Người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>16.795</b>	<b>98.234.906</b>	<b>80,13%</b>
1	Cổ đông tổ chức	45	8.338.983	6,80%
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	16.750	89.895.317	73,32%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>225</b>	<b>24.366.906</b>	<b>19,87%</b>
1	Cổ đông tổ chức	46	22.348.223	18,23%
2	Cổ đông cá nhân	179	2.018.683	1,65%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17.020</b>	<b>122.601.206</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 19/08/2024 của TNG

7.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

7.3 Các loại chứng khoán khác

Thông tin về các trái phiếu thường đã phát hành và còn số dư trái phiếu tại thời điểm Bản Cáo Bạch này như sau:

Bảng 5: Danh sách trái phiếu đang còn lưu hành của Tổ Chức Phát Hành

TT	Nội dung	Dư nợ trái phiếu (triệu VND)	Lãi suất (%/năm)	Năm phát hành	Đáo hạn	Loại trái phiếu	Hình thức phát hành
1	TNG122017	300.000	10%	2022	2026	Trái phiếu thường, không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm	Phát hành trái phiếu ra công chúng
<b>Tổng cộng</b>		<b>300.000</b>					

Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG năm 2021 (Trái phiếu TNG122017) phát hành ngày 16/05/2022 (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 74/GCN-UBCK ngày 4/4/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Báo cáo kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng số 1296A/2022/CV-TNG ngày 19/5/2022 của TNG và Công văn số 3053/UBCK-QLCB ngày 23/5/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng của TNG) theo hình thức phát hành trái phiếu ra công chúng, kỳ hạn 04 năm, có cách thức trả lãi như sau: Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi kỳ tính lãi; kỳ hạn trả lãi/kỳ tính lãi là 03 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của kỳ hạn trả lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của kỳ hạn trả lãi tiếp theo hoặc ngày đáo hạn trái phiếu. Do đó, kế hoạch thanh toán lãi và nợ vay đối với trái phiếu TNG122017 tính điểm thời điểm hiện tại như sau:

**Bảng 6: Kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu TNG122017**

S T T	Kế hoạch thanh toán lãi/gốc trái phiếu	Ngày thanh toán dự kiến*	Lãi trái phiếu	Gốc trái phiếu	Tổng số tiền thanh toán
1	Thanh toán lãi trái phiếu kỳ 10	16/11/2024	7.561.643.850		7.561.643.850
2	Thanh toán lãi trái phiếu kỳ 11	16/02/2025	7.561.643.850		7.561.643.850
3	Thanh toán lãi trái phiếu kỳ 12	16/05/2025	7.315.068.480		7.315.068.480
4	Thanh toán lãi trái phiếu kỳ 13	16/08/2025	7.561.643.850		7.561.643.850
5	Thanh toán lãi trái phiếu kỳ 14	16/11/2025	7.561.643.850		7.561.643.850
6	Thanh toán lãi trái phiếu kỳ 15	16/02/2026	7.561.643.850		7.561.643.850
7	Thanh toán lãi trái phiếu kỳ 16 và thanh toán gốc trái phiếu	16/05/2026	7.315.068.480	300.000.000.000	307.315.068.480

Nguồn: TNG

\*Nếu ngày thanh toán dự kiến là ngày nghỉ, thì lãi và/hoặc gốc trái phiếu sẽ được thanh toán vào ngày làm việc liền sau ngày đó.

**8. Hoạt động kinh doanh**

**8.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh**

**8.1.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh may mặc**

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG là đơn vị chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và các sản phẩm phụ trợ như bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon, giặt, trần bông, in công nghiệp, thêu và nguyên phụ liệu hàng may mặc. Công ty còn có hệ thống chuỗi cửa hàng giới thiệu, bán buôn, bán lẻ trực tiếp sản phẩm của TNG.

Sản phẩm gia công xuất khẩu chính của công ty là các loại áo jacket và quần Cargo shorts. Thị trường xuất khẩu chính của công ty là Mỹ (46,08% doanh thu xuất khẩu năm 2023) và Pháp (16,07% doanh thu xuất khẩu năm 2023).

Tính tới ngày 30/09/2024, Công ty có 15 chi nhánh may xuất khẩu nằm tại địa bàn các huyện thuộc tỉnh Thái Nguyên, 02 chi nhánh phụ trợ, 02 chi nhánh công nghệ, 01 chi nhánh kiểm định chất lượng.

**Bảng 7: Các đơn vị trực thuộc công ty**

TT	TÊN CHI NHÁNH	VỊ TRÍ	NGÀNH NGHỀ
1	Chi nhánh may Việt Đức	Số 160 Đường Minh Cầu	Sản xuất may mặc



		- TP. Thái Nguyên - T. Thái Nguyên	
2	Chi nhánh may Việt Thái	CCN Sơn Cẩm – Xã Sơn Cẩm – TP Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
3	Chi nhánh may Sông Công 1	KCN Sông Công - TP. Sông Công - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
4	Chi nhánh may Sông Công 2		Sản xuất may mặc
5	Chi nhánh may Sông Công 3		Sản xuất may mặc
6	Chi nhánh may Sông Công 4		Sản xuất may mặc
7	Chi nhánh sản xuất Bao Bì		Sản xuất bao bì
8	Chi nhánh sản xuất Bông		Sản xuất bông
9	Chi nhánh LAB		Kiểm định chất lượng
10	Chi nhánh may Phú Bình 1	Xã Kha Sơn - H. Phú Bình - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
11	Chi nhánh may Phú Bình 2		Sản xuất may mặc
12	Chi nhánh may Phú Bình 3		Sản xuất may mặc
13	Chi nhánh may Phú Bình 4		Sản xuất may mặc
14	Chi nhánh may Đại Từ	Xã Tiên Hội - H. Đại Từ - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
15	Chi nhánh may Đồng Hỷ	Xã Nam Hòa - H. Đồng Hỷ - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
16	Chi nhánh may Võ Nhai 1	CCN Cây Bông - Xã La Hiên - H. Võ Nhai - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
17	Chi nhánh may Võ Nhai 2		Sản xuất may mặc
18	Chi nhánh thời trang TNG	Số 434/1 Đường Bắc Kạn - TP. Thái Nguyên - T. Thái Nguyên	Sản xuất may mặc
19	Chi nhánh giải pháp công nghệ TRE		Công nghệ thông tin
20	Chi nhánh công nghệ tự động hóa TNG		Công nghệ tự động hóa

Nguồn: TNG

❖ Các sản phẩm may mặc chính của TNG bao gồm:

Hình 5: Các sản phẩm may mặc chính





Nguồn: TNG

#### ❖ Quy trình sản xuất và trình độ công nghệ

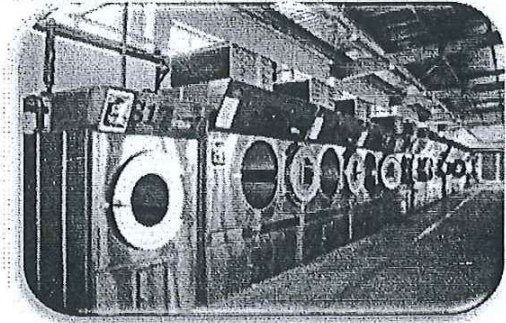
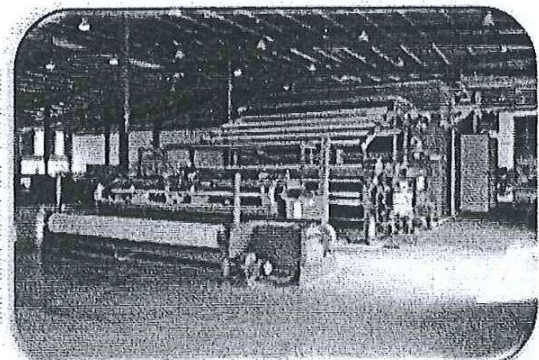
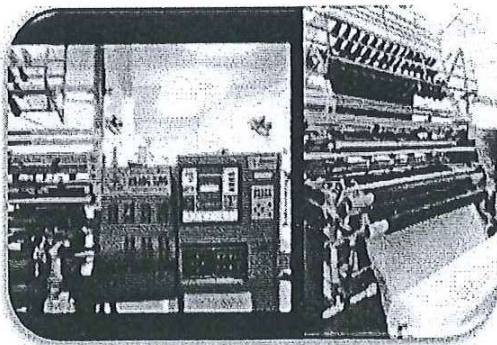
Trong các năm qua, TNG đã tập trung đầu tư chiều sâu cho các chi nhánh may cũng như đầu tư theo định hướng mặt hàng, nguồn hàng. Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng tự động tiên tiến, hiện đại để nâng cao năng suất và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Vì vậy, đến nay các chi nhánh may đã được đầu tư nhiều máy móc thiết bị may các loại (từ máy 1 kim, 2 kim đến các máy chuyên dùng như máy 1 kim điện tử tốc độ cao, máy mổ túi, máy tra tay áo, máy tự động cắt chỉ, tự động lại mũi, cố định mũi may, máy ép seam, máy cộp nhiệt), một số các thiết bị này được đầu tư đồng bộ từ khâu giác sơ đồ đến khâu trải vải, cắt, may và hoàn tất trong đó có một số công đoạn được trang bị khá hiện đại tầm cỡ khu vực và thế giới như thiết bị giác sơ đồ, trải vải, hoàn tất và một số dây chuyền sản xuất may mặc với quy trình công nghệ khép kín và hiện đại.

Khâu thiết kế, nhẩy cỡ và giác sơ đồ đã được thực hiện hoàn toàn trên máy vi tính với sự hỗ trợ của phần mềm vi tính như Gerber/lextra. Khâu xây dựng quy trình công nghệ và thiết kế dây chuyền đã được thực hiện đối với tất cả các mã hàng trước khi sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở cho việc tính đơn giá tiền lương. Từ sự đầu tư trên đã mang lại một bộ mặt mới khởi sắc cho các đơn vị trong việc chủ động được nguồn hàng, khách hàng để chuyên môn hóa sản xuất và mặt khác là đã giúp cho các đơn vị nâng cao năng suất và chất

lượng sản phẩm tăng thêm uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và từ đó thay đổi và phát huy được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm; việc xây dựng quy trình công nghệ cho từng sản phẩm đã được chuyên môn hóa cao ở những khâu trọng yếu.

Ngày 01/02/2022, TNG thành lập Chi nhánh Giải pháp công nghệ TRE với dự án Giải pháp quản trị và điều hành thông minh cho ngành may. Trong năm 2023, TRE đã thực hiện triển khai dự án với 10 khách hàng, tiến hành nâng cấp các phân hệ điều hành, thêm 8 dự án mới nổi bật trong đó: giao việc tự động, đặt hàng tự động, App kiểm tra máy, Dự án phần mềm nhân sự mới, dự án quản lý tài sản. Tháng 04/2022, Phòng Robot TNG được thành lập với Đội ngũ kỹ sư tinh nhuệ đã cho ra đời 25 thiết kế với 10 máy móc tự động đã được áp dụng tại nhiều chi nhánh. Trong đó, nổi bật là dự án về cải tiến khu hoàn thiện Sông Công 1, Phú Bình 1; cải tiến tay cấp cạp nhiệt tự động, máy cấp và khâu thê bài tự động, cải tiến máy hỗ trợ tự động trên máy lập trình, máy cấp và đánh máy tự động Ultrasonic... các dự án đã góp phần tăng năng suất lao động, giảm bớt chi phí nhân công, tiết kiệm chi phí đầu tư máy tự động bên ngoài. Để thực hiện hóa chiến lược phát triển của Ban Lãnh đạo Công ty, tháng 5/2023, Chi nhánh TOT (công nghệ tự động hóa TNG) được thành lập. Trong tương lai, Chi nhánh TOT sẽ mở rộng, tăng cường triển khai nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm tự động hóa Công nghệ cao lĩnh vực may mặc hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp giải pháp, thiết kế chế tạo máy tự động cho ngành dệt may.

**Hình 6: Hình ảnh về một số máy móc thiết bị của công ty**



*Nguồn: TNG*

Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, công ty cũng không ngừng nâng cao công nghệ trong quản lý và điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành sản xuất để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý sản xuất. Với lĩnh vực dịch vụ, công ty đã áp dụng hệ thống thanh toán các đơn hàng xuất khẩu qua thẻ của hệ thống các ngân hàng lớn tại nước ngoài.

**Bảng 8: Một số phần mềm ứng dụng tại công ty**

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Bravo	Quản lý công tác hành chính kế toán, bán hàng
2	ERP TNG	Quản lý vật tư
3	ERP TNG	Quản lý chăm công
4	ERP TNG	Quản lý nhân sự tiền lương
5	ERP TNG	Quản lý Dự toán xây dựng cơ bản
6	ERP TNG	Quản lý và điều hành quá trình sản xuất
7	MD – Modepro – V5R2	Nhập mẫu, thiết kế, nhảy cỡ
8	DN – Markpack – V5R2	Giác sơ đồ
9	Accumark	Nhập mẫu, thiết kế, giác sơ đồ
10	Phần mềm Clo 3D	Fit mẫu trên manocanh ảo, phối màu, trình diễn catwalk. Điều chỉnh kích thước, chất liệu sản phẩm, màu sắc theo nhu cầu từ phía khách hàng
11	Phần mềm Văn phòng số	Quản lý văn bản, chứng từ và các nghiệp vụ văn phòng
12	Phần mềm Kho Phụ liệu thông minh	Quản lý đơn hàng xuất nhập kho
13	Phần mềm Kết nối dữ liệu với khách hàng	Quản lý đơn hàng xuất kho, hàng tồn, thông tin sản phẩm xuất đi cho khách hàng.

*Nguồn: TNG*

**8.1.2 Hoạt động kinh doanh Bất động sản**

**a. Dự án TNG Village 1**

Dự án TNG Village 1 là dự án bất động sản đầu tiên mà TNG đầu tư xây dựng. Đây là một trong những dự án nhà chung cư thương mại đầu tiên ở Thái Nguyên. Một số thông tin về dự án TNG Village 1 như sau:

- Vị trí: Số 206 Minh Cầu, Tp. Thái Nguyên.
- Quy mô dự án: diện tích đất 2.841m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 19.950 m<sup>2</sup> với 17 tầng nổi và 1 tầng hầm, có 186 căn hộ.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.
- Pháp lý:
  - + Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng số 478/QĐ-UBND ngày 02/3/2017.
  - + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình số 378A/QĐ-HĐQT ngày

22/3/2017.

+ Giấy phép xây dựng 29/GPXD ngày 06/10/2017, 11/GPXD ngày 06/07/2018 và 26/GPXD ngày 08/10/2019.

+ Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số 2448/SXD-GĐXD ngày 15/09/2020.

- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 321 tỷ đồng.

- Tiến độ dự án: Dự án hoàn thành và đang tiến hành bàn giao cho khách hàng, và bắt đầu từ ghi nhận doanh thu từ năm 2019.

#### **b. Dự án Cụm công nghiệp (CCN) Sơn Cẩm 1**

- Vị trí: xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Quy mô dự án: 70 ha.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.

- Pháp lý:

+ Quyết định thành lập cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 1936/QĐ-UBND ngày 30/06/2018

+ Quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng thể cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 767/QĐ-UBND ngày 31/03/2017 và Quyết định 2285/QĐ-UBND ngày 01/08/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

+ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Sơn Cẩm số 802/QĐ-UBND ngày 26/03/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

+ Quyết định về việc giao đất, cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG thuê đất để sử dụng vào mục đích thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1 tại xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên (đợt 1).

+ Quyết định về việc cho Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, tại TP Thái nguyên số 1712/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Mức đầu tư: Tổng vốn đầu tư hạ tầng dự kiến 520 tỷ đồng.

- Tiến độ dự án: Công ty đang triển khai giải phóng mặt bằng (đã hoàn thành khoảng 50% diện tích mặt bằng) và thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên khu đất đã hoàn tất giải phóng mặt

bằng. Hiện nay, chủ đầu tư đang tích cực phối hợp các cấp chính quyền địa phương của TP. Thái Nguyên đẩy nhanh tiến độ thực hiện bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

### 8.1.3 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản phẩm may mặc mang tính thời vụ cao, phụ thuộc vào thời tiết, các sản phẩm may mặc thường được thiết kế phù hợp với thời tiết từng khu vực địa lý và theo từng mùa khác nhau. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có am hiểu nhất định về thời tiết, khí hậu tại thị trường mà mình muốn kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Hiện nay hàng may mặc được chia thành 2 mùa chính là: Xuân/Hè và Thu/Đông, trong đó mùa Thu/Đông là mùa sản xuất chính của Công ty.

### 8.1.4 Giá trị sản phẩm qua các năm

#### a. Sản lượng sản xuất

**Bảng 9: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2022, 2023 và 9 tháng đầu năm 2024**

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	9 tháng đầu năm 2024
1	Áo jacket/Quần Cargo short	chiếc	51.274.333	53.277.167	39.206.813
2	Bông tấm	Yards	10.238.043	8.374.924	6.979.863
3	Thùng carton	m <sup>2</sup>	4.809.420	4.417.525	3.460.104
4	Túi PE, PP	kg	375.694	399.535	290.711
5	Giặt công nghiệp	chiếc	6.990.661	7.572.353	5.461.130
6	In công nghiệp	chiếc	10.411.397	7.391.135	6.675.950
7	Thêu công nghiệp	chiếc	5.291.217	5.358.664	3.993.705

Nguồn: TNG

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của TNG ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của TNG liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

#### b. Doanh thu, lợi nhuận gộp

**Bảng 10: Doanh thu hợp nhất theo sản phẩm năm 2022, năm 2023**

TT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng đầu năm 2024*	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	5.633.477	83,18%	5.918.409	83,41%	N/A	N/A

2	Doanh thu gia công	1.069.990	15,80%	1.099.913	15,50%	N/A	N/A
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	49.083	0,72%	56.547	0,80%	N/A	N/A
4	Doanh thu bất động sản và dịch vụ khác	19.794	0,29%	20.335	0,29%	N/A	N/A
	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.772.345</b>	<b>100%</b>	<b>7.095.205</b>	<b>100%</b>	N/A	N/A
6	Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	N/A	N/A
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6.772.345</b>		<b>7.095.205</b>		N/A	N/A

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 và năm 2023 đã được kiểm toán

Ghi chú: \* Tại thời điểm 30/09/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, Quý 3 năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 11: Doanh thu Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2022, năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024**

TT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng đầu năm 2024*	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	5.633.477	83,18%	5.918.409	83,38%	5.057.098	85,94%
2	Doanh thu gia công	1.069.990	15,80%	1.099.913	15,50%	758.787	12,89%
3	Doanh thu bán sản phẩm thời trang	49.100	0,73%	56.547	0,80%	15.248	0,26%
4	Doanh thu bất động sản và dịch vụ khác	19.794	0,29%	23.141	0,33%	53.366	0,91%
	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.772.362</b>	<b>100%</b>	<b>7.098.010</b>	<b>100%</b>	<b>5.884.499</b>	<b>100%</b>
6	Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6.772.362</b>		<b>7.098.010</b>		<b>5.884.499</b>	

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2022 và 2023 đã được kiểm toán; BCTC Quý 3 năm 2024 của TNG

Trong giai đoạn vừa qua, doanh thu của toàn Công ty luôn tăng trưởng tốt qua từng năm. Cụ thể, năm 2023 doanh thu thuần đạt 7.098 tỷ đồng tăng trưởng 4,8% so với năm 2022, và trong giai đoạn 2018 – 2023, TNG đạt mức tăng trưởng doanh thu bình quân CAGR là xấp xỉ 14%/năm.

Đối với phương thức sản xuất CMT (Cut-make-trim), Công ty thực hiện các công đoạn cắt may theo thiết kế của khách hàng với nguyên phụ liệu cũng do khách hàng cung cấp. Trong khi đó, với phương thức sản xuất FOB (Free-on-board), Công ty chủ động việc mua nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Về cơ cấu, doanh thu bán hàng (FOB) luôn chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu của TNG (khoảng 80% đến 85%). Trong các năm qua, Công ty xác định xu hướng dài hạn là tăng cường chuyển hướng tập trung sang sản xuất các sản phẩm FOB và

hướng tới ODM (Original Design Manufacturing) với giá trị gia tăng cao cùng với những đòi hỏi khắt khe, TNG hiện vẫn tập trung mục tiêu gia tăng lợi nhuận, gia tăng giá trị cho cổ đông.

**Bảng 12: Lợi nhuận hợp nhất theo sản phẩm năm 2022, năm 2023**

T T	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng đầu năm 2024*	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận gộp hàng bán	826.556	82,70%	814.737	83,11%	N/A	N/A
2	Lợi nhuận gộp gia công	156.991	15,71%	151.416	15,45%	N/A	N/A
3	Lợi nhuận gộp sản phẩm thời trang đã bán	7.202	0,72%	7.784	0,79%	N/A	N/A
4	Lợi nhuận gộp kinh doanh bất động sản và dịch vụ khác	8.747	0,88%	6.329	0,65%	N/A	N/A
	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>999.496</b>	<b>100%</b>	<b>980.266</b>	<b>100%</b>	N/A	N/A
	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>292.997</b>		<b>219.442</b>		N/A	N/A

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 và 2023 đã được kiểm toán

Ghi chú: \* Tại thời điểm 30/09/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc Quý 3 năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 13: Lợi nhuận Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2022, năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024**

TT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng đầu năm 2024*	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận gộp hàng bán	826.556	82,70%	814.737	82,78%	773.736	85,80%
2	Lợi nhuận gộp gia công	156.991	15,71%	151.416	15,38%	102.883	11,41%
3	Lợi nhuận gộp sản phẩm thời trang đã bán	7.204	0,72%	7.784	0,79%	2.745	0,30%
4	Lợi nhuận gộp kinh doanh bất động sản và dịch vụ khác	8.747	0,88%	10.272	1,04%	22.414	2,49%
	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>999.499</b>	<b>100%</b>	<b>984.209</b>	<b>100%</b>	<b>901.778</b>	<b>100%</b>
	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>292.997</b>		<b>222.362</b>		<b>240.978</b>	

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2022 và 2023 đã được kiểm toán; BCTC Quý 3 năm 2024 của TNG

Lợi nhuận gộp của Công ty chủ yếu đến từ hàng FOB, nguyên nhân của việc này là do TNG đã chủ động chuyển hướng tăng cường bán hàng may mặc, các sản phẩm phục vụ dịch vụ như khẩu trang, đồ bảo hộ dẫn đến tăng mạnh tỷ trọng lợi nhuận mảng bán hàng. Mảng bán hàng cũng là mảng có biên lợi nhuận cao hơn mảng gia công cho các hãng thời trang khác.



**8.2 Tài sản**

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm ngày 31/12/2022, 31/12/2023 và báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2024 như sau:

**Bảng 14: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022**

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>2.962.180</b>	<b>1.171.233</b>	<b>1.790.947</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.455.087	359.528	1.095.559
Máy móc thiết bị	1.491.317	798.008	693.309
Thiết bị văn phòng	4.390	4.353	37
Phương tiện vận chuyển	8.891	7.299	1.592
Tài sản khác	2.495	2.046	450
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>47.423</b>	<b>26.012</b>	<b>21.411</b>
Quyền sử dụng đất	19.783	3.088	16.695
Phần mềm	27.639	22.924	4.715

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của TNG

**Bảng 15: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022**

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>2.962.180</b>	<b>1.171.233</b>	<b>1.790.947</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.455.087	359.528	1.095.559
Máy móc thiết bị	1.491.317	798.008	693.309
Thiết bị văn phòng	4.390	4.353	37
Phương tiện vận chuyển	8.891	7.299	1.592
Tài sản khác	2.495	2.046	450
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>47.423</b>	<b>26.012</b>	<b>21.411</b>
Quyền sử dụng đất	19.783	3.088	16.695
Phần mềm	27.639	22.924	4.715

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán của TNG

**Bảng 16: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>3.377.795</b>	<b>1.354.873</b>	<b>2.022.921</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.800.438	431.870	1.368.568
Máy móc thiết bị	1.550.929	908.004	642.925
Thiết bị văn phòng	4.316	4.298	18
Phương tiện vận chuyển	19.452	8.550	10.901
Tài sản khác	2.661	2.151	510

<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>196.752</b>	<b>34.812</b>	<b>161.940</b>
Quyền sử dụng đất	162.153	8.932	153.222
Phần mềm	34.599	25.881	8.718

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

**Bảng 17: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2023**

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>3.386.408</b>	<b>1.355.348</b>	<b>2.031.060</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.808.263	432.239	1.376.023
Máy móc thiết bị	1.551.717	908.110	643.607
Thiết bị văn phòng	4.316	4.298	18
Phương tiện vận chuyển	19.452	8.550	10.901
Tài sản khác	2.661	2.151	510
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>196.752</b>	<b>34.812</b>	<b>161.940</b>
Quyền sử dụng đất	162.153	8.932	153.222
Phần mềm	34.599	25.881	8.718

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán của TNG

**Bảng 18: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2024\***

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>3.396.949</b>	<b>1.472.385</b>	<b>1.924.564</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	1.787.522	479.980	1.307.543
Máy móc thiết bị	1.582.999	976.066	606.933
Thiết bị văn phòng	4.316	4.312	3
Phương tiện vận chuyển	19.452	9.791	9.661
Tài sản khác	2.661	2.237	424
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>197.892</b>	<b>39.936</b>	<b>157.956</b>
Quyền sử dụng đất	163.064	11.893	151.171
Phần mềm	34.828	28.043	6.786

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng quý III năm 2024 của TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 30/09/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc Quý 3 năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**8.3 Thị trường hoạt động**

**Bảng 19: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ**

Đơn vị: Triệu đồng

Khu vực	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Châu Mỹ	3.461.840	51,12%	3.656.867	51,52%	3.373.133	57,32%

Châu Âu	2.763.057	40,80%	2.867.833	40,40%	2.039.770	34,66%
Châu Á	519.856	7,68%	553.407	7,80%	453.523	7,71%
Châu Phi	16.677	0,25%	6.851	0,10%	9.274	0,16%
Châu Úc	10.930	0,16%	13.052	0,18%	8.799	0,15%
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.772.362</b>	<b>100%</b>	<b>7.098.010</b>	<b>100%</b>	<b>5.884.499</b>	<b>100,00%</b>

Nguồn: TNG

**Bảng 20: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất\***

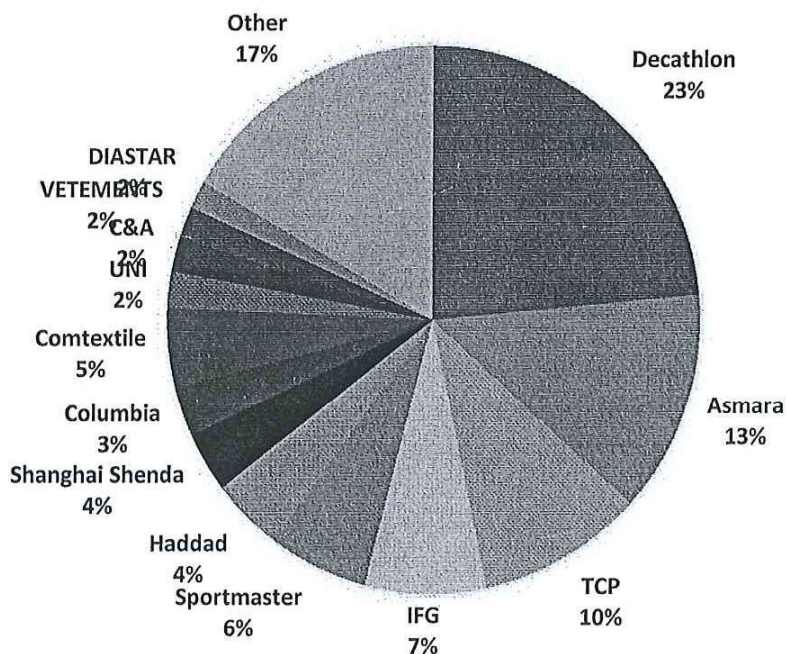
Đơn vị: Triệu đồng

Khu vực	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Châu Mỹ	3.461.840	51,12%	3.656.867	51,52%
Châu Âu	2.763.057	40,80%	2.867.833	40,40%
Châu Á	519.840	7,68%	550.602	7,76%
Châu Phi	16.677	0,25%	6.851	0,10%
Châu Úc	10.930	0,16%	13.052	0,18%
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.772.345</b>	<b>100%</b>	<b>7.095.205</b>	<b>100%</b>

Nguồn: TNG

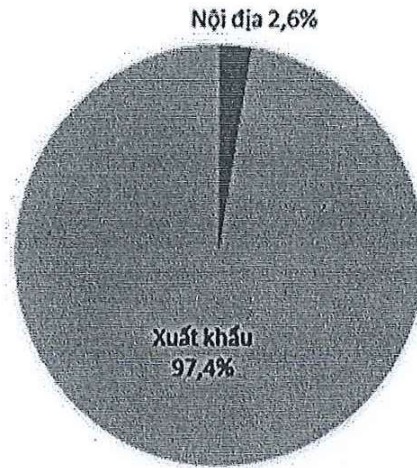
Ghi chú: \* Tại thời điểm 30/09/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này.

**Biểu 1: Cơ cấu doanh thu theo khách hàng lớn năm 2023**



Nguồn: TNG

**Biểu 2: Cơ cấu doanh thu theo thị trường trong nước và nước ngoài năm 2023**



Nguồn: TNG

**Bảng 21: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ**

Đơn vị: Triệu đồng

Khu vực	Năm 2022		Năm 2023		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Châu Mỹ	510.916	51,12%	507.061	51,52%	516.920	57,32%
Châu Âu	407.786	40,80%	397.653	40,40%	312.587	34,66%
Châu Á	76.723	7,68%	76.735	7,80%	69.501	7,71%
Châu Phi	2.461	0,25%	950	0,10%	1.421	0,16%
Châu Úc	1.613	0,16%	1.810	0,18%	1.348	0,15%
<b>Tổng cộng</b>	<b>999.499</b>	<b>100%</b>	<b>984.209</b>	<b>100%</b>	<b>901.778</b>	<b>100%</b>

Nguồn: TNG

**Bảng 22: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất\***

Đơn vị: Triệu đồng

Khu vực	Năm 2022		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Châu Mỹ	510.916	51,12%	505.229	51,33%
Châu Âu	407.786	40,80%	396.217	40,26%
Châu Á	76.721	7,68%	76.071	7,73%
Châu Phi	2.461	0,25%	947	0,10%
Châu Úc	1.613	0,16%	1.803	0,18%
<b>Tổng cộng</b>	<b>999.496</b>	<b>100%</b>	<b>980.266</b>	<b>100%</b>

Nguồn: TNG

Ghi chú: \* Tại thời điểm 30/09/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này.

8.4 Các hợp đồng lớn

Bảng 23: Một số hợp đồng đã được ký kết hoặc đang thực hiện

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
<b>I</b>	<b>Hợp đồng đầu ra</b>						
1	01-TNG/TCP 2024	The Children's Place services company, LLC	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
2	SM23/1040-AW25	"Sportmaster" Ltd	Quần áo	04/12/2023	04/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
3	01/IFG-TNG/2024	IFG Corp	Quần áo	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
4	01/HADDAD-TNG/2024	THE HADDAD APPAREL GROUP, LTD	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
5	01/ASM-TNG/2024	ASMARA INTERNATIONAL LIMITED	Quần áo	03/01/2024	03/01/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
6	01/CS-TNG/2024	Columbia Sportswear Company	Quần áo	20/02/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
7	TNG 01 – COM/24	COMTRADING APPAREL DMCC	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
8	01/2024-TNG/SHENDA	SHANGHAI SHENDA IMP. & EXP. CO., LTD	Quần áo	04/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
9	DIA23/TNG	DIASTAR GENERAL TRADING LLC	Quần áo	19/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
10	01/C&A - TNG/2024	C&A BUYING GmbH & CO.KG	Quần áo	01/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
<b>II Hợp đồng đầu vào</b>							
1	HN 043/24 - DOM HANAM	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YKK VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ NAM	Khóa	01/04/2024	31/03/2025	Hợp đồng nguyên tắc	Không
2	2024/VH-TNG	Công ty CP SX&TM Việt Hàn TLP	Sơ bông	01/12/2023	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
3	01/TNG-TD/2024	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dũng	Chỉ	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
4	APP/LO/2024/1 20021	Chi nhánh công ty TNHH Coats Phong Phú	Chỉ	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
5	1-2024/TNG - AVERY DENNISON	Cty TNHH Avery Dennison Ris Việt Nam	Mác	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
6	01-2023/BUVN-TNG	CÔNG TY TNHH BUILD - UP VIỆT NAM CHI NHÁNH 2	Móc treo	05/09/2023	05/09/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
7	IN 07/TNG-BM/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN VP BÌNH MINH	In	04/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
8	TNG/MA-2024	Cty TNHH Mainetti (Việt Nam)	Móc treo	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không
9	MX-TNG-01-2024	Công ty TNHH nhân mác và bao bì Maxim Việt Nam	Mác	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời hạn hợp đồng		Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng) (nếu có)	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ và cổ đông lớn
				Bắt đầu	Kết thúc		
10	01/THT-TNG(DC)/2024	Công ty cổ phần dệt Trần Hiệp Thành	Vải	02/01/2024	31/12/2024	Hợp đồng nguyên tắc	Không

Nguồn: TNG

**8.5 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành**

**8.5.1 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành**

Ngành hàng dệt may là một trong những ngành chủ đạo của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, liên quan đến các khâu sản xuất sợi, dệt nhuộm, vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất hàng may mặc và phân phối hàng may mặc đến tay người tiêu dùng. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tập trung hoạt động sản xuất từ khâu may hàng hóa cho đến khâu phân phối đến người tiêu dùng.

TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành may Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, TNG là một trong những doanh nghiệp may mặc xuất khẩu hàng đầu Việt Nam. Công ty đang có thế mạnh lớn khi các hợp đồng gia công quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Mark & Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.

Hiện nay, TNG đã phát triển được hệ thống các nhà máy may mặc rộng khắp tỉnh Thái Nguyên quy mô lớn với 15 chi nhánh may có trang thiết bị hiện đại.

**8.5.2 Triển vọng phát triển ngành**

Theo thống kê của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas), trong năm 2023, kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt hơn 40 tỷ USD, thấp hơn gần 10% so với năm 2022. Năm 2023, ngành dệt may gặp nhiều khó khăn khi tổng cầu trên toàn thế giới giảm và vấn đề lạm phát ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm, đơn hàng sụt giảm, lãi suất tăng cao và chênh lệch tỷ giá. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu dệt may giảm nhưng thị trường xuất khẩu lại mở rộng trong năm 2023. Hiện ngành dệt may Việt Nam đang xuất khẩu sang khoảng 104 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu với các thị trường mới như châu Phi, Nga, các nước đạo Hồi, 36 mặt hàng dệt may xuất khẩu. Ngành dệt may Việt Nam vẫn có những ưu thế so với các quốc gia cạnh tranh. Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 19 Hiệp định thương mại tự do (trong đó: 16 FTA đã ký kết và thực thi; 3 FTA đang trong quá trình đàm phán) và là quốc gia duy nhất ký kết Hiệp định thương mại tự do với tất cả các đối tác kinh tế lớn trên toàn cầu như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Anh, Nga. Đặc biệt, Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035 được Chính Phủ phê duyệt mới đây sẽ là nền móng thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sợi – dệt – nhuộm, tạo cơ hội cho ngành dệt may tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định.

**❖ Hiệp định EVFTA – Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu**

Với việc Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quốc hội Việt Nam phê chuẩn Hiệp định vào ngày 8 tháng 6 năm 2020, điều này sẽ giúp cho tình hình xuất nhập khẩu của các mặt hàng nói chung và các mặt hàng ngành Dệt may nói riêng được dự báo tăng trưởng nhanh chóng từ năm 2020. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra dự báo đối với kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may, trong kịch bản tích cực dự báo kim ngạch xuất khẩu vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

Nhờ cạnh tranh về giá cả, khối EU nhìn chung đều tăng nhập hàng từ các nước thứ 3, thường là Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Pakistan, Việt Nam, v.v. Trong đó, trị giá xuất khẩu hàng may mặc Việt Nam đang ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao hơn so với mặt bằng trị giá nhập khẩu vào các nước trong khối EU. Tuy vẫn phải cạnh tranh gay gắt từ Bangladesh và Pakistan, tuy nhiên hàng may mặc Việt Nam vẫn đang từ từ gia tăng thị phần trong thị trường EU.

**❖ Mục tiêu và định hướng Quốc gia đối với ngành Dệt may**

Quyết định số 1643/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển



ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035 ban hành ngày 29/12/2022 đã nêu: Mục tiêu tổng quát nhằm phát triển ngành dệt may và da giày là ngành chủ lực về xuất khẩu của nền kinh tế; đẩy mạnh sản xuất sản phẩm có chất lượng, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước; giữ vững vị trí trong nhóm các quốc gia sản xuất và xuất khẩu sản phẩm dệt may, da giày hàng đầu thế giới. Đến năm 2025, thu nhập bình quân của lao động trong doanh nghiệp ngành dệt may và da giày đạt trên 90% mức thu nhập bình quân chung của lao động trong doanh nghiệp cả nước và phấn đấu giảm dần khoảng cách với mức bình quân chung cả nước. Đến năm 2035, ngành dệt may và da giày phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn; hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất trong nước, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển được một số thương hiệu mang tầm khu vực và thế giới.

Mục tiêu cụ thể về phát triển ngành dệt may như sau:

- Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2030 đạt 6,8% - 7,2%/năm, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 phấn đấu đạt 7,5% - 8,0%/năm.
- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 50 - 52 tỷ USD và năm 2030 đạt 68 - 70 tỷ USD.
- Tỷ lệ nội địa hoá ngành dệt may giai đoạn 2021 - 2025 đạt 51% - 55% và giai đoạn 2026 - 2030 đạt 56% - 60%.

Theo định hướng chung, ngành dệt may phát triển theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hóa; cải thiện cơ cấu sản phẩm, tập trung phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến để nâng cao sức cạnh tranh của ngành. Đồng thời, toàn ngành cũng đặt mục tiêu đẩy mạnh chuyển từ gia công sản xuất sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng thương hiệu trên cơ sở công nghệ phù hợp đến hiện đại gắn với hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động và bảo vệ môi trường theo chuẩn mực quốc tế. Thúc đẩy đầu tư sản xuất nguyên, phụ liệu, công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may; chú trọng đến sản xuất vải, vải nhân tạo, da thuộc, khuyến khích sản xuất vải từ sợi sản xuất trong nước nhằm giảm nhập khẩu, tác động tích cực đến mối liên kết, hình thành chuỗi giá trị và cung ứng hoàn chỉnh trong ngành dệt may, đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cũng như đẩy mạnh quá trình nội địa hóa, cải thiện và giảm nhanh khoảng cách chênh lệch về trình độ và năng suất với các nước có nền kinh tế phát triển cao hơn.

### 8.5.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Phát Hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Hiện nay, trước xu thế phát triển mới của nền kinh tế thế giới, ngành dệt may thế giới nói chung đã có những đổi mới về chính sách và công nghệ để đáp ứng xu thế của chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay là sản xuất sạch, sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường và có trách nhiệm xã hội... xu hướng tiến tới sự bền vững toàn cầu trong ngành dệt may. Một số quốc gia trên thế giới đã ban hành các chính sách và thực hành quản lý nhằm hướng tới sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và giảm chất thải, loại bỏ các chất gây lo ngại và loại trừ phát sinh vi sợi; biến đổi cách thức thiết kế quần áo, bán và sử dụng sao cho có thể giảm thải ra tự nhiên; cải thiện triệt để khả năng tái chế bằng cách thay đổi thiết kế, thu hồi và tái sản xuất; hướng tới sử dụng nguyên nhiên liệu tái tạo.

Theo Quyết định số 1643/QĐ-TTg, Chính Phủ đã đề ra định hướng phát triển của ngành dệt may và da giày nói chung và ngành dệt may nói riêng. Theo đó, các ngành tập trung phát triển, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng và thương hiệu. Hiện nay, TNG đã tập trung phát triển công nghệ (đã và đang phát triển công nghệ tự động hóa TNG bằng cách thành lập chi nhánh TOT, xây dựng kế hoạch TRE và ký thêm các hợp đồng công nghệ phần mềm), chủ động nguồn vật liệu của sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao (theo phương thức FOB, ODM) và phát triển hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

Theo định hướng cụ thể của ngành dệt may tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg thì là tập trung vào đầu tư đổi mới công nghệ ở các khâu quyết định như khâu cắt vải tự động, thiết kế mẫu mới, hoàn thiện chu trình may để tăng năng suất lao động và đa dạng hóa sản phẩm. Hiện nay, TNG đã đẩy mạnh sản xuất sang các sản phẩm có giá trị cao, thiết kế mẫu mới, đồng thời đầu tư và nghiên cứu phát triển nguyên liệu bông đen từ sản phẩm tái chế và chuyển đổi nôi hơi đốt sang đốt biomass. Từ đó cho thấy định hướng và hoạt động kinh doanh của TNG phù hợp với định hướng phát triển ngành của Chính Phủ. TNG luôn chú trọng tập trung phát triển công nghệ và phát triển bền vững.

Nhận định và đánh giá về định hướng phát triển của ngành, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG cũng đã và đang có những chiến lược đúng đắn, phù hợp với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung của thế giới. Trong những năm tới, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, Công ty cũng đã đầu tư các nhà máy sản xuất dệt may đạt tiêu chuẩn nhà máy xanh và đang đầu tư dự án cụm công nghiệp Sơn Cẩm nơi dự kiến sẽ xây dựng nhà máy xử lý nước thải và cấp nước đáp ứng yêu cầu cao của luật môi trường trong sản xuất dệt nhuộm và giải

pháp công nghệ TRE, chi nhánh nhà máy công nghệ TOT.

### 8.6 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Nhãn hiệu thương mại của Công ty là TNG đã được đăng kí với cơ quan hữu quan. Ngoài ra, với vị thế và uy tín của TNG đã được các khách hàng tín nhiệm ủy quyền sản xuất các nhãn hiệu như: The Childrensplace, Columbia Sport wear, Lolitog, Target,...

Công ty đã đăng kí Logo TNG tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

TNG

### 8.7 Chiến lược kinh doanh

Trong 05 – 10 năm tới, Công ty xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh cốt lõi của TNG vẫn là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và sẽ tiếp tục mang sự ổn định và lợi nhuận cho TNG trong nhiều năm tới. Bên cạnh đó, Công ty cũng phát triển, tìm kiếm thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, may mặc vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc, là giặt, bao bì, in, thêu, sau đó là bất động sản,...

TNG đang có các khách hàng là nhà bán lẻ có thương hiệu lớn như Decathlon, Columbia Sportswear, The Children's Place, Capital, Itochu, Cahard, John New York, .... Các khách hàng này đều cam kết đặt hàng lâu dài, ổn định với công ty và đều đề nghị TNG tăng thêm sản lượng hàng năm. Bên cạnh đó, TNG cũng tăng cường chủ động cung cấp nguyên phụ liệu và chuyển dần sang làm mẫu phát triển để tăng giá trị lợi nhuận trên sản phẩm.

TNG có bề dày kinh nghiệm trong sản xuất hàng may mặc xuất khẩu nên có nhiều lợi thế để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường.

Nguồn vốn mà Công ty sử dụng trong thời gian tới đến từ nguồn vốn tự có của Công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nguồn vốn vay ngân hàng thương mại hoặc các nguồn vốn huy động từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu khác.

### 8.8 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan, trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Công ty không hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

## 9. Thông tin về cổ đông lớn

### 9.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 19/08/2024

**Bảng 24: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

TT	Tên cổ đông	Năm sinh/năm thành lập	Quốc tịch	Số CMND/Giấy CN ĐKDN	Địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở chính	Số cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm hiện tại (Cổ phần)
<b>I Cá nhân</b>						
1	Nguyễn Văn Thời	1958	Việt Nam	090117808	Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	22.713.922 (18,53%)
2	Nguyễn Đức Mạnh	1983	Việt Nam	019083000466	Số 434/1 Bắc Kạn, Tp. Thái Nguyên	9.825.261 (8,01%)
3	Trần Cảnh Thông	1963	Việt Nam	023324942	8.07 Cao ốc Thịnh Vượng, 531 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Đông, Q.2, TP.HCM	7.675.634 (6,26%)
<b>II Tổ chức</b>						
4	Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan					7.493.121 (6,11%)
4.1	FIDES KTCU PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CC6619	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	4.402.723 (3,59%)
4.2	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT POBA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5580	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	922.320 (0,75%)
4.3	FIDES REHOBOTH KBIZ PRIVATE INVESTMENT TRUST 15		Hàn Quốc	CC3693	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	848.059 (0,69%)

4.4	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT PMAA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5940	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	546.480 (0,45%)
4.5	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT SEMA TRUST 1		Hàn Quốc	CD5790	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	379.080 (0,31%)
4.6	FIDES VIETNAM GENERAL PRIVATE INVESTMENT CG TRUST 1		Hàn Quốc	CD8156	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	185.976 (0,15%)
4.7	FIDES MPLUS GLOBAL GENERAL PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CD6994	20, SEJONG-DAERO 9-GIL, JUNG-GU, SEOUL, KOREA	175.932 (0,14%)
4.8	FIDES ASSEMBLE GLOBAL PRIVATE INVESTMENT TRUST 1		Hàn Quốc	CC8351	20, Sejong-daero 9-gil, Jung-gu, Seoul, Korea	32.551 (0,03%)
Tổng cộng						47.707.938 (38,91%)

*Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 19/08/2024 của TNG*

Do Danh sách người sở hữu chứng khoán được cung cấp bởi VSDC và Báo cáo thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn (ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính) không thể hiện thông tin về năm thành lập, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan như trình bày tại bảng trên nên tại thời điểm của Bản cáo bạch này, TNG không có thông tin về năm thành lập, người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ của Nhóm nhà đầu tư có liên quan nêu trên.

**9.2 Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 19/08/2024**

**Bảng 25: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần**

T T	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
1	Đỗ Thị Hà	Nguyễn Văn Thời	Vợ	090513872	P. Phan Đình Phùng, Tp Thái Nguyên	2.194.554 (1,79%)	Thù lao năm 2023: 60.000.000 VNĐ
2	Nguyễn Đức Mạnh	Nguyễn Văn Thời	Con trai	019083000466	Số 434/1 đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Tỉnh Thái Nguyên	9.825.261 (8,01%)	Tổng giám đốc Thù lao năm 2023: 3.422.059.900 VNĐ
3	Nguyễn Mạnh Linh	Nguyễn Văn Thời	Con trai	019087014264	96 Minh Cầu, Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	719.076 (0,59%)	Thành viên HĐQT Thù lao năm 2023: 180.000.000 VNĐ
4	Nguyễn Văn Thới	Nguyễn Văn Thời	Em trai	090784558	Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	828 (0,0007%)	Không
5	Nguyễn Thị Nhuận	Nguyễn Văn Thời	Em gái	091928825	Thị trấn Hương Sơn, Huyện Phú Bình Thái Nguyên	256.930 (0,21%)	Không
6	Nguyễn Thị Miên	Nguyễn Văn Thời	Em gái	091902622	TDP Bình Minh, P Bách Quang, TP Sông Công, Thái Nguyên	229.857 (0,19%)	Không
7	Nguyễn Thị Miên	Nguyễn Văn Thời	Em gái	090688967	Tổ 20, Phường Phan đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên	83.885 (0,07%)	Không
8	Nguyễn Thị Miên	Nguyễn Văn Thời	Em gái	150156591	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	0	Không
9	Nguyễn Văn Thời	Nguyễn Đức Mạnh	Bố	090117808	Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	22.713.922 (18,53%)	Chủ tịch HĐQT Thù lao năm 2023:

T T	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
							2.922.920.300 VNĐ
10	Đỗ Thị Hà	Nguyễn Đức Mạnh	Mẹ	090513872	P. Phan Đình Phùng, Tp Thái Nguyên	2.194.554 (1,79%)	Thù lao năm 2023: 60.000.000 VNĐ
11	Nguyễn Mạnh Linh	Nguyễn Đức Mạnh	Em trai	019087014 264	96 Minh Cầu, Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	719.076 (0,59%)	Thành viên HĐQT Thù lao năm 2023: 180.000.000 VNĐ
12	Ngô Thị Thái	Trần Cảnh Thông	Vợ		8.07 Cao ốc Thịnh Vượng – 531 Nguyễn Duy Trinh – P. Bình Trưng Đông – Q.2 – TP.HCM	0	Không

Nguồn: TNG

**10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng**

**10.1 Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thị Thúy Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành
6	Đoàn Thị Thu	Thành viên HĐQT
7	Hà Thị Tuyết	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

**10.1.1 Ông Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thời
- Số CMND: 090117808 – Nơi cấp: CA Thái Nguyên – Ngày cấp: 11/08/2014
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/01/1958
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mô, cử nhân kinh tế, cử nhân chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
06/1982 – 11/1992	Đội trưởng đội vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
12/1992 – 01/1993	Trưởng phòng vật tư Công ty Xây lắp Điện Bắc Thái
02/1992 – 09/1993	Phó giám đốc Xí nghiệp May Bắc Thái
10/1993 – 12/2002	Giám đốc Công ty May Thái Nguyên
2003 – 2007	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2007 – 2012	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty CP May Xuất khẩu Thái Nguyên
2019 – 2023	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên TNG Eco Green
2019 – 2023	Chủ tịch Công ty TNHH TNG Fashion
2019 – Nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG
2013 – Nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG

- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:

+ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Golf Yên Bình TNG

- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 19/08/2024: 22.713.922 cổ phần (tương ứng 18,53% vốn điều lệ). Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 22.713.922 cổ phần (tương ứng với 18,53% vốn điều lệ),

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đỗ Thị Hà	Vợ	2.194.554	1,79%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Con trai	9.825.261	8,01%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Con trai	719.076	0,59%
4	Nguyễn Văn Thới	Em trai	828	0,0007%
5	Nguyễn Thị Nhuận	Em gái	256.930	0,21%
6	Nguyễn Thị Miện	Em gái	229.857	0,19%
7	Nguyễn Thị Miên	Em gái	83.885	0,07%
8	Nguyễn Thị Miên	Em gái	0	0%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Các khoản nợ đối với công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 2.922.920.300 VNĐ



**10.1.2 Ông Nguyễn Đức Mạnh – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Đức Mạnh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1983
- Số CCCD: 019083000466 – Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Ngày cấp: 18/05/2023
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành Phố Thái Nguyên
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ Thông tin, cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
2007 – 2012	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 2014	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
09/2014 – 05/2017	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
05/2017 – 2023	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – 2023	Giám đốc – Công ty TNHH TNG Fashion
5/2020 – Nay	Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
4/2023-Nay	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Số cổ phần nắm giữ: 9.825.261 cổ phần (tương ứng 8,01% vốn điều lệ). Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 9.825.261 cổ phần (tương ứng với 8,01% vốn điều lệ),

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	22.713.922	18,53%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	2.194.554	1,79%
3	Nguyễn Mạnh Linh	Em trai	719.076	0,59%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 3.422.059.900 VNĐ.

**10.1.3 Bà Lương Thị Thúy Hà – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty**

- Họ và tên: Lương Thị Thúy Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/06/1969
- Số CMTND: 090555417 – Nơi cấp: CA Thái Nguyên – Ngày cấp: 23/06/2016
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
1992 – 2012	Cán bộ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2013 – 04/2016	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2016 – 2017	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng- Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
2018	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – Nay	Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 808.791 cổ phần (tương ứng 0,66% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 808.791 cổ phần (tương ứng với 0,66% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 1.919.737.000 VNĐ.

**10.1.4 Ông Nguyễn Mạnh Linh – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Linh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1987
- Số CCCD: 019087014264 – Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Ngày cấp: 28/09/2021
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, Thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2010	Trợ lý Quản lý sản xuất – Rosingly Inc, New York, NY
2010 – 2011	Trợ lý Quản lý sản xuất – Amerex Group LLC, New York, NY
2011 – 2012	Trợ lý Quản lý sản xuất – Kenneth Cole Production, New York, NY
2013 – 2017	Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – 2019	Trưởng Văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG tại New York
04/2019 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương Mại TNG, Trưởng văn phòng Đại diện Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG tại New York
10/2020 – 06/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
07/2022 – nay	Tổng giám đốc công ty cổ phần TNG Land

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần TNG Land
- Số cổ phần nắm giữ: 719.076 cổ phần (tương ứng 0,59% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 719.076 cổ phần (tương ứng 0,59% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Văn Thời	Bố	22.713.922	18,53%
2	Đỗ Thị Hà	Mẹ	2.194.554	1,79%

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
3	Nguyễn Đức Mạnh	Anh trai	9.825.261	8,01%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có;
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 1.453.665.602 VNĐ.

**10.1.5 Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập**

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/06/1986
- Số CCCD: 030086000194 – Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư – Ngày cấp: 03/07/2015
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0974238388
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P1A1 – 198 Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội,
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
05/2008 – 10/2008	Nhân viên phòng giải pháp nghiệp vụ - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2008 – 06/2010	Trưởng phòng giải pháp nghiệp vụ và quản trị rủi ro – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
07/2010 – 10/2010	Giám đốc phát triển sản phẩm và giải pháp nghiệp vụ Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
10/2010-12/2012	Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
04/2012 – 06/2020	Thành viên HĐQT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
12/2012 – 04/2018	Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
08/2018 – Nay	Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
04/2019 – Nay	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
10/2018 – Nay	Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
10/2019 – Nay	Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
05/2020 – Nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
  - + Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital
  - + Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT)
  - + Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Tư vấn Tài chính Eagle Partners
  - + Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam (PGS)
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 180.000.000 VNĐ.

**10.1.6. Bà Đoàn Thị Thu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Đoàn Thị Thu
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/06/1972
- Số CCCD: 019172010362
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 091.245.2264
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 06, phường Trung Vương, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư may, Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
1994 - 1997	Phó quản đốc - Xí nghiệp may Bắc Thái
1997 - 2002	Phó Phòng Kỹ thuật - CTCP may xuất khẩu Thái Nguyên
2003 - 2006	Trưởng Phòng Kỹ thuật - CTCP may xuất khẩu Thái Nguyên
2006 - 2011	Giám đốc nhà máy - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2011 - 2014	Phó Tổng giám đốc - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2015 - 2017	Giám đốc nhà máy - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2017 - nay	Phó Tổng giám đốc - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2024 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị/ Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 321.832 cổ phần (tương ứng 0,26% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 321.832 cổ phần (tương ứng với 0,26% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 2.090.257.000 VNĐ

**10.1.7. Bà Hà Thị Tuyết - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

- Họ và tên: Hà Thị Tuyết
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1984
- Số CCCD: 034184015146
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0912.681.534
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 18, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
2007 - 2019	Trưởng phòng Tổ chức/ Thư ký Hội đồng quản trị/ Trưởng Phòng Pháp chế/ Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
2019 - nay	Giám đốc – Công ty Luật TNHH Dịch vụ pháp lý 4.0
2019 - nay	Trưởng Ban pháp chế - Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên
2024 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập – CTCP Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc – Công ty Luật TNHH Dịch vụ pháp lý 4.0
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 0 VNĐ

**10.2 Ban Tổng giám đốc**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Đức Mạnh	Tổng giám đốc
2	Trần Minh Hiếu	Phó Tổng giám đốc
3	Lương Thị Thúy Hà	Phó Tổng giám đốc
4	Đoàn Thị Thu	Phó Tổng giám đốc
5	Lưu Đức Huy	Phó Tổng giám đốc
6	Nguyễn Thị Phương	Phó Tổng giám đốc
7	Lê Xuân Vĩ	Phó Tổng giám đốc

**10.2.1 Ông Nguyễn Đức Mạnh – Tổng giám đốc**

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị.

**10.2.2 Ông Trần Minh Hiếu – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Trần Minh Hiếu
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/12/1979
- Số CMTND: 091704585 – Nơi cấp: Công An Thái Nguyên – Ngày cấp: 08/08/2009
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, thành Phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
2009 – 2011	Trưởng phòng Kế hoạch Nhà máy Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011 – 2013	Giám đốc chi nhánh kinh doanh – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2017 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 107.144 cổ phần (tương ứng 0,09% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 107.144 cổ phần (tương ứng với 0,09% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 2.129.848.500 VNĐ.

**10.2.3 Bà Lương Thị Thuý Hà – Phó Tổng giám đốc**

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị.

**10.2.4 Bà Đoàn Thị Thu – Phó Tổng giám đốc**

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị.

**10.2.5 Ông Lưu Đức Huy – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Lưu Đức Huy
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1970
- Số CCCD: 035070006730 – Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về TTXH – Ngày cấp: 25/06/2021
- Quốc tịch: Việt Nam



- Điện thoại liên hệ: +84 2083 858 508
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
1994 – 1998	Cán bộ Công ty May Thái Nguyên
1998 – 2001	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2001 – 2002	Trưởng Phòng Cơ điện Công ty May Thái Nguyên
2003	Phó Phòng Kế hoạch Công ty May Thái Nguyên
2007 – 2010	Giám đốc Nhà máy Giặt – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2011-2015	Giám đốc Nhà máy May Việt Thái – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
2015-2018	Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
04/2019 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG; Giám đốc Nhà máy May Đại Từ - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 86.382 cổ phần (tương ứng 0,07% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 86.382 cổ phần (tương ứng với 0,07% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 2.138.182.700 VNĐ.

**10.2.6 Bà Nguyễn Thị Phương – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Phương
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/11/1973
- Số CMTND: 090888144 – Nơi cấp: CA Thái Nguyên – Ngày cấp: 18/11/2014

- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0986507390
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2007 – 2008	Cán bộ Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG
01/2009 – 06/2009	Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
07/2009 – 12/2009	Trưởng phòng Quản lý chất lượng Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2010 – 9/2011	Phó Giám đốc xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
10/2011 – 12/2012	Giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2013 – 12/2015	Phó giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
01/2016 – 05/2021	Giám đốc Xí nghiệp may Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
06/2021 – Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 130.346 cổ phần (tương ứng 0,11% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 130.346 cổ phần (tương ứng với 0,11% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 1.993.481.000 VNĐ.

**10.2.7 Ông Lê Xuân Vĩ – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên: Lê Xuân Vĩ
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 03/06/1981
- Số CCCD: 019081007764 – Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về TTXH – Ngày cấp: 23/03/2023
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0974691685
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Đồng Bẩm, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Đại Học
- Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>
01/2007 – 12/2012	Nhân viên CNTT – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG
01/2013 – 01/2022	Trưởng phòng CNTT – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG
01/2022 – 01/2023	Giám đốc chi nhánh – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG
02/2023 – Nay	Phó tổng giám đốc – Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 19.521 cổ phần (tương ứng 0,02% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 19.521 cổ phần (tương ứng với 0,02% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 1.095.689.500 VNĐ.

**10.3 Ủy ban Kiểm toán**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Hoàng Giang	Chủ tịch Ủy Ban kiểm toán Công ty
2	Nguyễn Mạnh Linh	Thành Viên Ủy Ban kiểm toán
3	Hà Thị Tuyết	Thành Viên Ủy Ban kiểm toán

Sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Hoàng Giang, Nguyễn Mạnh Linh, Hà Thị Tuyết được trình bày tại mục thành viên Hội đồng quản trị.

**10.4 Kế toán trưởng: Bà Trần Thị Thu Hà – Kế toán trưởng**

- Họ và Tên: Trần Thị Thu Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: 02083 858 508
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
2009 – 2016	Làm việc tại TNG với các chức vụ: Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng chi nhánh, Trưởng phòng kế toán
2016 -2017	Phó Giám đốc chi nhánh thời trang TNGF của TNG
2018 – Nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 151.513 cổ phần (tương ứng 0,12% vốn điều lệ). Trong đó:  
 + Sở hữu cá nhân: 151.513 cổ phần (tương ứng với 0,12% vốn điều lệ),  
 + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2023: 1.399.370.900 VNĐ.

**11. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh

doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

**Bảng 26: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ)	16% (8% bằng tiền và 8% bằng cổ phiếu)	16% (8% bằng tiền và 8% bằng cổ phiếu)

*Nguồn: TNG*

**12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại**

Trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và cho đến thời điểm hiện tại, các trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành phát hành đều được thanh toán gốc, lãi đúng hạn theo như cam kết với người sở hữu trái phiếu.

**13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành**

**13.1 Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty**

**Bảng 27: Danh sách các hợp đồng thuê đất**

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m2)
		Từ ngày	Đến ngày		
1	Nhà máy may TNG Việt Đức	31/12/2008	22/11/2052	Sản xuất kinh doanh	1.000,00
		31/12/2008	31/01/2047	Sản xuất kinh doanh	8.846,90
2	Khu tập thể Phan Đình Phùng	31/12/2008	06/07/2054	Sản xuất kinh doanh	255,50
		31/12/2020	06/07/2054	Sản xuất kinh doanh	332,70
		04/12/2019	09/06/2053	Sản xuất kinh doanh	3.258,20
		12/08/2021	05/08/2056	Thương mại dịch vụ	971,50
3	TNG Village 1	26/09/2019	02/03/2067	Đất ở đô thị	1.122,00
		26/02/2020	02/03/2067	Đất giao thông	1.317,80
		26/02/2020	02/03/2067		258,90
		22/04/2019	Lâu dài	Đất ở đô thị	75,20
4	TNG Village 2	02/03/2017	02/03/2067	Đất ở đô thị	961,70

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )
		Từ ngày	Đến ngày		
5	Nhà máy may TNG Việt Thái	06/07/2017	11/08/2039	Thương mại dịch vụ	60,40
		06/07/2017	11/08/2039	Thương mại dịch vụ	81,00
		07/07/2017	03/12/2038	Sản xuất kinh doanh	1.900,50
		06/07/2017	31/12/2035	Sản xuất kinh doanh	84,00
		06/07/2017	31/12/2035	Sản xuất kinh doanh	10.706,00
6	Nhà máy may TNG Sông Công	31/07/2012	01/06/2049	Đất khu công nghiệp	56.665,40
		14/01/2013	01/06/2049		37.656,50
		14/01/2014			
		29/08/2018	01/09/2049	Đất khu công nghiệp	33,60
		29/08/2018	01/09/2049	Đất khu công nghiệp	3.913,00
		29/08/2018	01/09/2049	Đất khu công nghiệp	22.696,40
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	43,70
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	937,70
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	9.334,10
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	251,70
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	14,90
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	201,70
		22/04/2022	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	549,40
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	236,70
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	1.783,80
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	3.808,50
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	1.864,50
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	171,60
		09/09/2021	24/04/2049	Đất khu công nghiệp	1,70
05/04/2022	01/09/2049	Đất khu công nghiệp	32.568,80		
7	Nhà máy may TNG Phú Bình	07/03/2011	02/11/2059	Sản xuất kinh doanh	68.168,45
		07/03/2011	02/11/2059	Sản xuất kinh doanh	5.219,80
		11/05/2022	02/11/2059	Đất khu công nghiệp	40.605,50
8	Trụ sở công ty	28/12/2016	Lâu dài	Đất ở đô thị	62,50
		28/12/2016	Lâu dài	Đất ở đô thị	296,00
		28/12/2016	20/11/2065	Sản xuất kinh doanh	78,70

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m2)
		Từ ngày	Đến ngày		
		28/12/2016	20/11/2065	Sản xuất kinh doanh	6.175,10
9	Nhà máy may TNG Đại Từ	29/07/2016	30/05/2066	Sản xuất kinh doanh	45.376,50
		09/07/2021	30/05/2066	Sản xuất kinh doanh	1.626,00
10	Nhà máy may TNG Đồng Hỷ	05/06/2019	28/03/2066	Sản xuất kinh doanh	12.760,70
		08/10/2020	26/11/2068	Sản xuất kinh doanh	21.335,90
		08/10/2020	26/11/2068	Sản xuất kinh doanh	115,40
		29/09/2021	26/11/2068	Sản xuất kinh doanh	2.736,50
		03/11/2022	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	1.329,00
		03/11/2022	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	97,60
		03/11/2022	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	370,00
		23/06/2023	26/11/2028	Sản xuất kinh doanh	1,482.7
11	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1	09/12/2020	09/12/2020	Đất cụm công nghiệp	67.122,70
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	71.863,70
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	208.088,60
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	64.792,10
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	76.734,90
		09/12/2020	09/12/2070	Đất cụm công nghiệp	27.165,50
<b>Tổng cộng</b>					<b>822.186,75</b>

Nguồn: TNG

**13.2 Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành**

Cho đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành có trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

**Bảng 28: Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành**

TT	Mã Trái Phiếu	Dư nợ (triệu VND)	Lãi suất năm đầu tiên	Kỳ trả lãi	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Loại trái phiếu	Đại lý phát hành	Ghi chú
1	TNG122017	300.000	10%/năm	3 tháng/lần	2022	2026	Trái phiếu thường,	Công ty cổ phần	Trái phiếu chào

TT	Mã Trái Phiếu	Dư nợ (triệu VND)	Lãi suất năm đầu tiên	Kỳ trả lãi	Năm phát hành	Năm đáo hạn	Loại trái phiếu	Đại lý phát hành	Ghi chú
							không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm	chứng khoán MB	bán ra công chúng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>300.000</b>							

Nguồn: TNG

**14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh, (ii) tình hình tài chính, (iii) đợt chào bán, hoặc (iv) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

**15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất

Bảng 29: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2022, năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	9 tháng đầu năm 2024
Tổng giá trị tài sản	5.268.373	5.147.382	-2,30%	5.256.698
Doanh thu thuần	6.772.362	7.098.010	4,81%	5.884.499
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	371.678	292.017	-21,43%	307.969
Lợi nhuận khác	-13.820	-18.021	30,39%	-9.691
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357.858	273.997	-23,43%	298.279
Lợi nhuận sau thuế	292.286	222.362	-23,92%	240.978
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	0%	

Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2022 và 2023 đã được kiểm toán; BCTC Quý 3 năm 2024 của TNG

Bảng 30: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2022, 2023 và 9 tháng đầu năm năm 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm 2023/2022	9 tháng đầu năm 2024*
Tổng giá trị tài sản	5.291.844	5.230.414	-1,16%	N/A
Doanh thu thuần	6.772.345	7.095.205	4,77%	N/A
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	372.634	291.963	-21,65%	N/A
Lợi nhuận khác	-13.838	-20.897	-51,01%	N/A
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358.796	271.066	-24,45%	N/A
Lợi nhuận sau thuế	292.997	219.442	-25,10%	N/A
Tỷ lệ chi trả cổ tức	16%	16%	0%	N/A

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 và 2023 được kiểm toán

Ghi chú: \* Tại thời điểm 30/09/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc Quý 3 năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

**a. Thuận lợi:**

- Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;
- Năm 2022 và năm 2023, TNG thành lập Chi nhánh Giải pháp công nghệ TRE (“TRE”) với dự án Giải pháp quản trị và điều hành thông minh cho ngành may, Phòng Robot TNG với Đội ngũ kỹ sư tinh nhuệ đã cho ra đời 25 thiết kế với 10 máy móc tự động đã được áp dụng tại nhiều chi nhánh; thành lập chi nhánh TOT để mở rộng, tăng cường triển khai nghiên cứu, thiết kế chế tạo sản phẩm tự động hóa Công nghệ cao lĩnh vực may mặc hướng tới mục tiêu trở thành đơn vị cung cấp giải pháp, thiết kế chế tạo máy tự động cho ngành dệt may. Trong năm 2023, TRE đã thực hiện triển khai dự án với 10 khách hàng, tiến hành nâng cấp các phân hệ điều hành, thêm 8 dự án mới nổi bật trong đó: giao việc tự động, đặt hàng tự động, App kiểm tra máy, Dự án phần mềm nhân sự mới, dự án quản lý tài sản.
- Hiệp định thương mại tự do EVFTA được kí kết và chính thức có hiệu lực đầu năm 2020 được dự đoán là một cơ hội lớn đối với các sản phẩm xuất khẩu của công ty sang thị trường chủ lực là Châu Âu trong tương lai khi thuế suất được giảm về 0%;
- Hiện tại, TNG đang sử dụng hơn 18.000 lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Việc sử dụng số lượng lao động lớn như vậy tạo điều kiện cho đơn vị Xã, Huyện, Tỉnh giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm chi tiêu hộ nghèo nên công ty được chính quyền các cấp ủng hộ, tạo điều kiện;
- Với kết quả kinh doanh tốt hơn trong các năm qua, ngoài nguồn vốn dồi dào từ ngân hàng công ty cũng đã thu hút được nhiều nguồn tài trợ từ các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài qua hình thức phát hành trái phiếu phục vụ mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh.

**b. Khó khăn**

- Yêu cầu sản phẩm ngày một khắt khe từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, ...;
- Ngành dệt và công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu;
- Với việc đang ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn đặt nhà máy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công ty trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động. Theo đó, công ty cần phải không ngừng nâng cao môi trường làm việc và chính sách lao động để thu hút nguồn lao động chất lượng cao cho sự phát triển trong tương lai;

- Sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu dệt may khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là nhưng nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... không chỉ đe dọa thị trường xuất khẩu mà còn chiếm lĩnh cả thị trường nội địa;
- Rào cản thương mại tại các nước xuất khẩu lớn đang được vận dụng ngày càng tinh vi, gây khó khăn cho quá trình xuất khẩu của công ty;
- Diễn biến cuộc xung đột Nga – Ukraina vẫn diễn ra phức tạp, lạm phát tại các thị trường xuất khẩu chính gây ảnh hưởng không nhỏ đến đơn hàng và đơn giá của doanh nghiệp.

**2. Tình hình tài chính**

**2.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

**2.1.1 Tình hình công nợ**

**2.1.1.1 Các khoản phải thu**

**Bảng 31: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024*
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>558.604</b>	<b>774.879</b>	<b>N/A</b>
Phải thu khách hàng	470.750	696.967	N/A
Trả trước người bán	1.209	788	N/A
Các khoản phải thu khác	89.133	77.765	N/A
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-2.488	-641	N/A
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>10.681</b>	<b>10.681</b>	<b>N/A</b>
Phải thu dài hạn khác	10.681	10.681	N/A
<b>Tổng cộng</b>	<b>569.285</b>	<b>785.560</b>	<b>N/A</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 và 2023 đã được kiểm toán

Ghi chú: \* Tại thời điểm 30/09/2024, TNG không có công ty con như trình bày tại mục IV.5.2 Bản Cáo Bạch này. Do vậy, kết thúc Quý 3 năm 2024, TNG chỉ ban hành BCTC riêng của Công ty.

**Bảng 32: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>554.738</b>	<b>745.295</b>	<b>912.408</b>
Phải thu khách hàng	470.753	699.078	852.574
Trả trước người bán	1.209	574	4.319
Các khoản phải thu khác	85.264	46.285	60.156
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-2.488	-641	-4.641
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>10.681</b>	<b>10.681</b>	<b>10.681</b>